| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ SÔNG CẦU**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 25/11/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Thành
2. Ông Trần Công Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Thư ký TAND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST - DS ngày 24 tháng 09 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1969
Địa chỉ: KP.T T, P.X Đ, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

**- Bị đơn:** V/c bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Chí D sinh năm 1967. Địa chỉ: KP.T T, P.X Đ, thị xã S C, tỉnh Phú Yên.
Vắng mặt lần 2

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*∗Theo đơn khởi kiện ngày 11/09/2018; cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Vào tháng 6 năm 2018 (âm lịch) vợ chồng con trai bà lề Đào Thanh Xuân và Nguyễn Thị Mai có cho vợ chồng bà T, ông D vay số tiền là 300.000.000 đồng, có lập giấy viết tay vay tiền. Sau khi vay vợ chồng bà T, ông D hứa khi nào vợ chồng con trai bà cần tiền thì vợ chồng bà T, ông D sẽ trả lại tiền, nhưng nay vợ chồng ông D, bà T đã vở nợ. Ngày 04/09/2018 vợ chồng con trai bà là Xuân, Mai đã ủy quyền cho bà T toàn quyền định đoạt số tiền 300.000.000 đồng. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông D trả đủ cho bà số tiền 300.000.000 đồng một lần và bà không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D:* Từ khi thụ lý hồ sơ

vụ án Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành triệu tập vợ chồng bà T, ông D đến tòa để giải quyết việc kiện của bà T nhưng vợ chồng bà T, ông D không đến; Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho vợ chồng bà T, ông D theo quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng bà T, ông D vẫn vắng mặt, tại phiên tòa vợ chồng bà T, ông D vắng mặt. Nên TAND thị xã Sông Cầu mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng bà T, ông D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim T yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Chí D, có địa chỉ: KP.Tân Thạnh, P.Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn vợ chồng bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Chí D, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án số 101/TB-TLVA ngày 24/09/2018 cho vợ chồng bà T, ông D nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vợ chồng bà T, ông D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng bà T, ông D vào ngày 05/11/2018 và 14/11/2018, nhưng vợ chồng bà T, ông D vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm trả việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời triệu tập vợ chồng bà T, ông D tham gia phiên tòa nhưng vợ chồng bà T, ông D vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng bà T, ông D là

phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Bà Lê Thị T căn cứ vào giấy viết tay lập ngày 20/06/2018 được xác lập giữa vợ chồng con trai bà Là Đào Thanh Xuân, Nguyễn Thị Mai và bà Lê Thị KimT, tuy một mình bà T ký giấy mượn tiền nhưng vợ chồng bà T, ông D là vợ chồng hợp pháp, đang chung sống với nhau và nuôi con chung. Việc bà T mượn tiền về để kinh doanh nhà hàng là nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, để tạo nguồn thu nhập chủ yếu cho gia đình nhưng kinh doanh thua lỗ là ngoài ý muốn. Do đó, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà T, ông D cùng phải có trách nhiệm đối với khoản nợ. Tại khoản 1 Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014 quy định "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30"; tại khoản 2 Điều 27 quy định "Vợ chồng có trách nhiệm chịu liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này". Nên bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T, ông D trả cho bà T số tiền còn nợ vợ chồng con trai bà T là 300.000.000 đồng, là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên HĐXX chấp nhận.

[5]Về lãi suất: Bà T tự nguyện không yêu cầu vợ chồng bà T, ông D trả lãi, nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn.

Vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối số tiền 300.000.000đ x 5% = 15.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng*), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.**Về án phí: Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2015/0006622 ngày 21/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải chịu số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.**Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Chi cục thi hành án T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Tôn**